

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 24-01-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia
tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Thiên Nga.
2. Ông Vũ Đức Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền tham gia phiên tòa:
Bà Tô Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 414/2017/TLST - HNGĐ ngày 13/10/2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1098/2016/QĐXX- ST ngày 25/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1967; đăng ký thường trú tại và hiện ở tại: Số M đường N, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Châu H, sinh năm 1961; đăng ký thường trú và hiện ở tại: Số M đường N, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày:

Chị Phạm Thị M và anh Phan Châu H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Cát Bi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng năm 1985. Đến nay vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị Thu Trang, sinh năm 1985 và Phan Hải Nam, sinh năm 1988.

Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp và không tin tưởng nhau về mặt tình cảm nên vợ chồng sống với nhau lạnh nhạt, thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình và bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng không giảm. Từ năm 2005 vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm trách nhiệm đến nhau về mọi mặt. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân 12 năm nay không còn khả năng đoàn tụ, chị M đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Châu H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị Thu T, sinh năm 1985 và Phan Hải N, sinh năm 1988. Nay các con chung đã thành niên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/10/2017 và buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải ngày 01/12/2017, bị đơn anh Phan Châu H trình bày:

Anh H nhất trí với lời khai của chị M về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung và tài sản chung.

Anh H và chị M lấy nhau năm 1985, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Cát Bi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh mãi chơi cờ bạc và hay uống rượu nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình và bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng không giảm. Từ năm 2005 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm trách nhiệm đến nhau về mọi mặt. Nay chị M có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh là không muốn ly hôn vì các con đều đã trưởng thành. Trong trường hợp chị M vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị Thu T, sinh năm 1985 và Phan Hải N, sinh năm 1988. Nay các con chung đã thành niên, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương và hai bên gia đình, kết quả đã thu thập được như sau: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị M anh H chung sống tại số 14/4/241 Nam Pháp 2, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Từ năm 2005 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân chủ yếu là do hai bên không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã nhau. Và từ năm 2005 vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm trách nhiệm với nhau về mọi mặt. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh H thì đề nghị Tòa án căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế giải quyết cho chị M được ly

hôn với anh H. Về con chung: Anh chị có 02 con chung đều đã thành niên. Về tài sản chung: Chị M và anh H tự thỏa thuận.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị M vẫn giữ nguyên quan điểm như trên và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Châu H vì mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã 12 năm, không còn khả năng đoàn tụ. Về con chung và tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phan Châu H vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng việc thụ lý vụ án cũng như quá trình xây dựng lập hồ sơ và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: phía nguyên đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, phía bị đơn không chấp hành đúng với các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị M được ly hôn với anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Phan Châu H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Cát Bi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng năm 1985 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, đến năm 2005 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là bất đồng quan điểm sống và hai bên không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Chị Phạm Thị M và anh Phan Châu H đã sống ly thân 12 năm nay, không còn quan tâm trách nhiệm đến nhau về mọi mặt nữa.

Xét cuộc sống chung của chị Phạm Thị M và anh Phan Châu H không thể tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần giải quyết cho chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Phan Châu H là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị M đối với anh Phan Châu H.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị M và anh Phan Châu H có 02 con chung là Phan Thị Thu T, sinh năm 1985 và Phan Hải N, sinh năm 1988. Nay hai con chung của anh chị đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Phan Châu H.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị M đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo biên lai số 0002040 ngày 13/10/2017.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Phạm Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Phan Châu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài